

VĂN 8- TUẦN 7

Tiết 1,2: Văn bản

NƯỚC ĐẠI VIỆT TA

I. TÌM HIỂU CHUNG (gạch sgk)

1. Tác giả : Tác giả: N/Trãi (1380- 1442)

- Hiệu: ức Trai , cha là Nguyễn Phi Khanh.
- Quê: Chí Linh – Hải Dương.
- Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn với vai trò rất lớn bên cạnh Lê Lợi → trở thành một nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có .
- Là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc.

2. Tác phẩm

- Bình ngô đại cáo do Nguyễn Trãi thừa lệnh Vua Lê Lợi soạn thảo, đc công bố ngày 17 tháng chạp năm Đinh Mùi (1428) sau khi quân ta đại thắng, diệt và làm tan dã 15 vạn viện binh của giặc Minh.
- Đoạn trích “ Nước Đại Việt ta” nằm ở phần đầu của bài cáo.
- Cáo là thể văn nghị luận cổ, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố một kết quả của sự nghiệp để mọi người cùng biết . Phần nhiều được viết bằng thể văn biền ngẫu, có tính chất hùng biện, lời lẽ đanh thép, lí luận sắc bén , kết cấu chặt chẽ mạch lạc.

II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN

1. Nguyên lý nhân nghĩa:

“ *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”

- Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của NT là “yên dân”; “trừ bạo”.

-> Kháng chiến chống quân Minh là việc làm chính nghĩa hợp với lòng dân.

=> Nhân nghĩa - yên dân - trừ bạo - chống ngoại xâm - bảo vệ đất nước và nhân dân là nguyên lý gốc, là tiền đề, là cơ sở lý luận, nguyên nhân thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn trong kháng chiến chống quân Minh, là điểm tựa linh hồn bài Bình Ngô đại cáo.

2. Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt:

-Nguyễn Trãi dựa vào văn hiến, phong tục, tập quán, truyền thống lịch sử (so sánh từng triều đại đối lập) có hoàng đế riêng, không còn dựa vào thần linh mà dựa vào lịch sử.

- Nền văn hiến lâu đời

- Núi sông bờ cõi đã chia

- Phong tục Bắc-Nam khác

- Lịch sử riêng, triều đại riêng (Triệu, Đinh, Lí, Trần - độc lập cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên...)

- Tư tưởng tự hào dân tộc: Đất nước có truyền thống văn hiến lâu đời, có chủ quyền dân tộc, ngang hàng với phong kiến phương Bắc.

- Ta ngang hàng với TQ về trình độ chính trị, tổ chức, quản lí quốc gia.

- Nghệ thuật: dùng hình ảnh đối lập.

- Để chứng minh cho tính chất hiển nhiên, tác giả dựa vào sự thật lịch sử để chứng minh:

Lưu Cung tham công nên thất bại

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong

Cửa Hàm Tử ...

Sông Bạch Đằng ...

→ Dẫn chứng cụ thể sinh động, giọng châm biếm, khinh bỉ khẳng định sự thất bại của phong kiến TQ khi chúng tham lam, bành trướng, bá quyền, đi ngược lại chân lí hiển nhiên, thì chuốc lấy bại vong.

→ Kháng định chủ quyền độc lập của nước ta.Tự hào về truyền thống đấu tranh vẻ vang của dân tộc.

⇒ Bài cáo vừa thể hiện chân lí về sự tồn tại độc lập dân tộc vừa phát huy niềm tự hào dân tộc đã trở thành truyền thống của thế hệ đi trước.

III. TỔNG KẾT (Ghi nhớ sgk)

Tiết 3: Tiếng Việt

HÀNH ĐỘNG NÓI

I. TÌM HIỂU BÀI

1.Hành động nói là gì :

* Ngữ liệu 1 : SGK –T62

- Lí Thông đuổi Thạch sanh đi để mình hưởng lợi. “ Thôi, bây giờ trời chưa ... em hãy chôn ngay đi”

- Lí Thông đã đạt được mục đích.(T Sanh vội vã từ giả mẹ con Lí Thông ra đi).

- Lời nói

- Việc làm của Lí Thông là một hành động, vì nó có mục đích.

* Nhân xét :

- Hành động nói là một hành động thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

*Ghi nhớ: SGK –T53

2 . Một số kiểu hành động nói thường gặp:

*Ngữ liệu 1

+ Câu(1) Con trần...đã lâu (kể)

(2) Nay em...tội chết (đe dọa)

(3) Thôi...đi ngay (cầu khiến)

(4) Chuyệnanh lo (hứa hẹn)

* Ngữ liệu 2

-Vây thì....ở đâu? (Hỏi)

-Con sẽ...thôn Đoài (báo tin)

-U nhất định bán con đây ư? (Hỏi)

-U không cho con ở nhà nữa ư (Hỏi)

-Khôn nặn thân con thế này (BLCX)

-Trời ơi! (BLXX)

*Nhân xét

- Các hđ nói: Trình bày, đe dọa, thách thức, cầu khiến, hỏi, báo tin, bộc lộ cảm xúc...

* Ghi nhớ :SGK –T63

III. LUYỆN TẬP (Làm bài tập sgk)

Tiết 4: Tiếng Việt

HÀNH ĐỘNG NÓI (tt)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1.Cách thực hiện hành động nói

*** Ngữ liệu 1 :SgK (T/70)**

	1	2	3	4	5
--	---	---	---	---	---

Hỏi	-	-	-	-	-
Trình bày	+	+	+	-	-
Đ khiến	-	-	-	+	+
Hứa hẹn	-	-	-	-	-
Blộ cảm xúc	-	-	-	-	-

- Điều là câu trần thuật, điều kết thúc bằng dấu chấm

→ Câu 1, 2, 3 → mục đích trình bày

Câu 4, 5 → Mục đích cầu khiến

***Ngữ liệu 2**

HÀNH ĐỘNG	KIỂU CÂU
Hỏi	Câu nghi vấn
Trình bày	Câu trần thuật
điều khiển	Câu cầu khiến
Hứa hẹn	Câu trần thuật
Bộc lộ cảm xúc	Câu cảm thán

*** Nhận xét :**

- Mỗi hành động nói được thực hiện bằng một kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó(cách dùng trực tiếp). Hoặc dùng bằng kiểu câu khác(cách dùng gián tiếp).

2.Ghi nhớ: sgk

II. LUYỆN TẬP (làm bài tập trong sgk)

TUẦN 7/HK2

Nội dung:

- + Giới thiệu nội dung lý thuyết, bài tập cơ bản và luyện tập “GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH” (tt) (có hướng dẫn ví dụ mẫu, các bài tập tự luyện học sinh tự thực hiện).
- + Ôn tập KTTX Hình học.

ĐẠI SỐ

GIẢI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH

A. NỘI DUNG LÝ THUYẾT:

DẠNG 3: BÀI TOÁN LIÊN QUAN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG:

- Gọi A là tổng sản phẩm theo kế hoạch sản xuất, n là năng suất (số sản phẩm/ ngày), t là thời gian(ngày), ta có: $A = nt$.
- Ta suy ra: $n = \frac{A}{t}$ ($t \neq 0$); $t = \frac{A}{n}$ ($n \neq 0$).

VD: Một xưởng may dự định mỗi ngày thực hiện 300 áo. Do cải tiến kỹ thuật, nên mỗi ngày thực hiện được 400 áo, do đó đã hoàn thành sớm hơn dự định 5 ngày. Hỏi xưởng may đó dự định thực hiện bao nhiêu áo?

Bài giải

Gọi x (áo) là số áo xưởng dự định may ($x > 0$)

	Tổng sản phẩm: (số áo)	Năng suất: (số áo/ ngày)	Thời gian: (số ngày)
Dự định	x	300	$\frac{x}{300}$
Thực tế	x	400	$\frac{x}{400}$

Ta có:

$\frac{x}{300}$ (ngày) là thời gian dự định của xưởng may;

$\frac{x}{400}$ (ngày) là thời gian thực tế của xưởng may.

Vì xưởng hoàn thành sớm hơn dự định 5 ngày. Ta có phương trình:

$$\frac{x}{300} - \frac{x}{400} = 5 \quad (\text{MC: } 1200)$$

$$\Leftrightarrow 4x - 3x = 6000$$

$$\Leftrightarrow x = 6000 \text{ (nhân)}$$

Vậy xưởng dự định may 6000 áo.

B. LUYỆN TẬP:

Bài 1: Một xưởng dệt dự định mỗi ngày dệt 300m vải nhưng do cải tiến dây chuyền nên mỗi ngày dệt được 400m vải. Vì vậy xưởng đã hoàn thành công việc sớm hơn dự định 4 ngày. Tính tổng số m vải mà xưởng dự định may.

Bài giải

Gọi $x(m)$ là số mét vải xưởng dự định dệt ($x > 0$)

	Tổng sản phẩm: (số m)	Năng suất: (số m/ ngày)	Thời gian: (số ngày)
Dự định	x	300	$\frac{x}{300}$
Thực tế	x	400	$\frac{x}{400}$

Ta có:

$\frac{x}{300}$ (ngày) là thời gian dự định của xưởng dệt;

$\frac{x}{400}$ (ngày) là thời gian thực tế của xưởng dệt.

Vì xưởng hoàn thành sớm hơn dự định 4 ngày. Ta có phương trình:

$$\frac{x}{300} - \frac{x}{400} = 4 \quad (\text{MC: } 1200)$$

$$\Leftrightarrow \frac{4x}{1200} - \frac{3x}{1200} = \frac{4 \cdot 1200}{1200}$$

$$\Leftrightarrow 4x - 3x = 4800$$

$$\Leftrightarrow x = 4800 \text{ (nhân)}$$

Vậy xưởng dự định dệt 4800m.

Bài 2: Một đội máy cày dự định cày mỗi ngày 40ha nhưng thực tế mỗi ngày đội cày được 52ha. Vì vậy không những đã hoàn thành công việc sớm hơn dự định 2 ngày lại còn cày thêm 4ha nữa.. Tính diện tích ruộng mà đội phải cày theo dự định.

Bài giải

Gọi x(ha) là diện tích đội dự định cày ($x > 0$)

	Tổng sản phẩm: (số ha)	Năng suất: (số ha/ ngày)	Thời gian: (số ngày)
Dự định	x	40	$\frac{x}{40}$
Thực tế	x +4	52	$\frac{x + 4}{52}$

Ta có:

$\frac{x}{40}$ (ngày) là thời gian dự định của đội cày;

$\frac{x + 4}{52}$ (ngày) là thời gian thực tế của đội cày.

Vì xưởng hoàn thành sớm hơn dự định 2 ngày. Ta có phương trình:

$$\begin{aligned}
 \frac{x}{40} - \frac{x + 4}{52} &= 2 \quad (\text{MC: } 520) \\
 \Leftrightarrow \frac{13x}{520} - \frac{10(x + 4)}{520} &= 2.520 \\
 \Leftrightarrow 13x - 10(x + 4) &= 1040 \\
 \Leftrightarrow 13x - 10x - 40 &= 1040 \\
 \Leftrightarrow 13x - 10x &= 1040 + 40 \\
 \Leftrightarrow 3x &= 1080 \\
 \Leftrightarrow x &= 360 \text{ (nhân)}
 \end{aligned}$$

Vậy đội dự định cày 360ha.

Bài tập tự luyện:

Bài 3: Một tổ sản xuất theo kế hoạch mỗi ngày phải sản xuất 20 sản phẩm. Khi thực hiện, mỗi ngày tổ đã sản xuất được 25 sản phẩm. Do đó tổ đã hoàn thành trước kế hoạch 1 ngày và còn vượt mức 5 sản phẩm. Hỏi theo kế hoạch tổ phải sản xuất bao nhiêu sản phẩm?

Bài 4: Một xưởng dệt theo đơn hàng thì mỗi ngày dệt 30 cây vải, nhưng do trong xưởng có một anh thợ nghỉ việc nên số lượng cây vải làm ra giảm 5 cây vải mỗi ngày, do đó xưởng đã hoàn thành đơn hàng chậm hơn 4 ngày. Hỏi đơn hàng mà xưởng nhận dệt bao nhiêu cây vải?

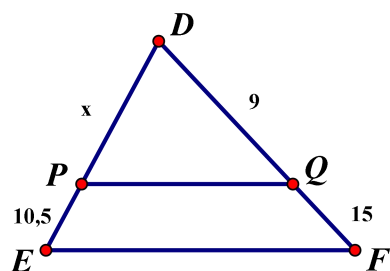
HÌNH HỌC

ÔN TẬP KTTX

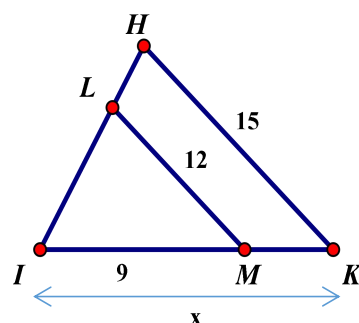
ĐỀ 1:

Bài 1: Tìm số đo x trong các hình vẽ sau:

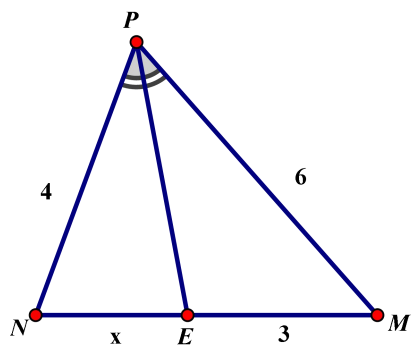
1/ Biết $PQ \parallel EF$.



2/ Biết $LM \parallel HK$.

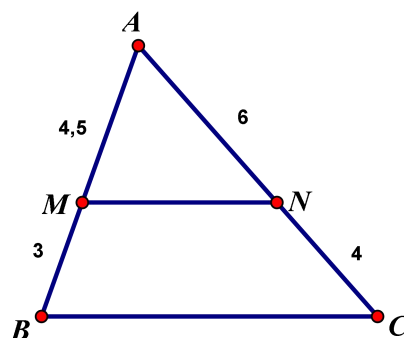


3/



Biết PE là đường phân giác của tam giác MNP.

Bài 2: Cho hình vẽ. Chứng minh: $MN \parallel BC$



HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN:

Bài 1: Tìm số đo x trong các hình vẽ sau:

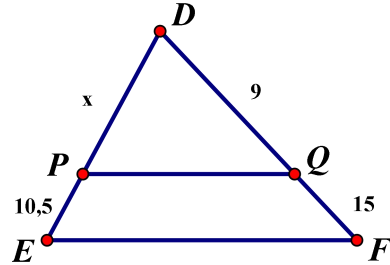
1/ **Biết PQ // EF**

Xét $\triangle DEF$, ta có: $PQ \parallel EF$ (gt)

$$\Rightarrow \frac{DP}{PE} = \frac{DQ}{QF} \text{ (định lý ta lét)}$$

$$\Rightarrow \frac{x}{10,5} = \frac{9}{15}$$

$$\Rightarrow x = \frac{10,5 \cdot 9}{15} = 6,3$$



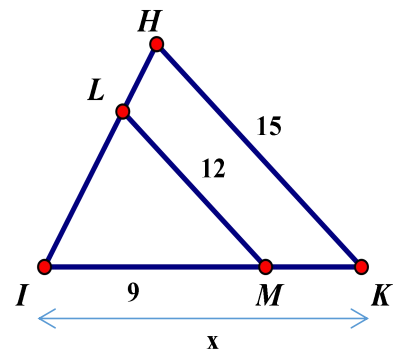
2/ **Biết LM // HK**

Xét $\triangle DEF$, ta có: $LM \parallel HK$ (gt)

$$\Rightarrow \frac{IM}{IK} = \frac{LM}{HK} \text{ (hệ quả định lý ta lét)}$$

$$\Rightarrow \frac{9}{x} = \frac{12}{15}$$

$$\Rightarrow x = \frac{9 \cdot 15}{12} = 11,25$$



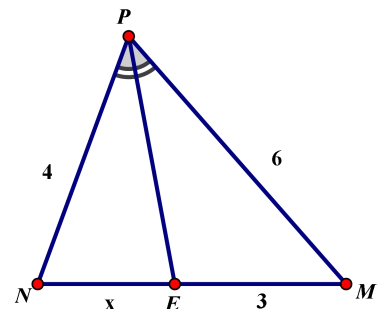
3/ **Biết PE là đường phân giác của tam giác MNP.**

Xét $\triangle PNM$ có: PE là đường phân giác (gt)

$$\Rightarrow \frac{PN}{PM} = \frac{EN}{EM} \text{ (tính chất đường phân giác trong tam giác)}$$

$$\Rightarrow \frac{4}{6} = \frac{x}{3}$$

$$\Rightarrow x = \frac{4 \cdot 3}{6} = 2$$



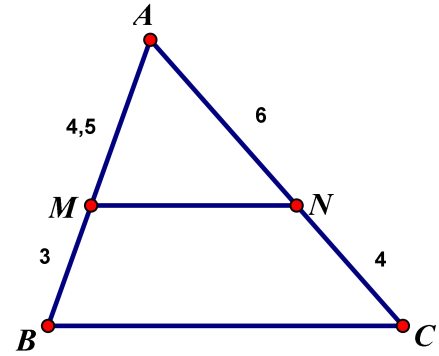
Bài 2: Chứng minh: $MN \parallel BC$

Xét $\triangle ABC$, ta có:

$$\begin{cases} \frac{AM}{MB} = \frac{4,5}{3} = \frac{3}{2} \\ \frac{AN}{NC} = \frac{6}{4} = \frac{3}{2} \end{cases}$$

$$\Rightarrow \frac{AM}{MB} = \frac{AN}{NC} = \frac{3}{2}$$

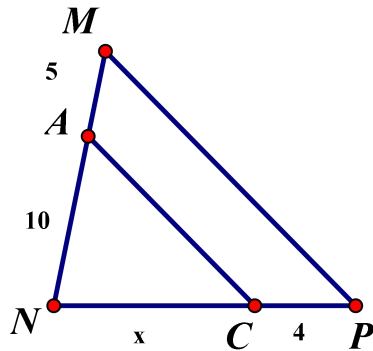
$\Rightarrow MN \parallel BC$ (định lý Ta lét đảo)



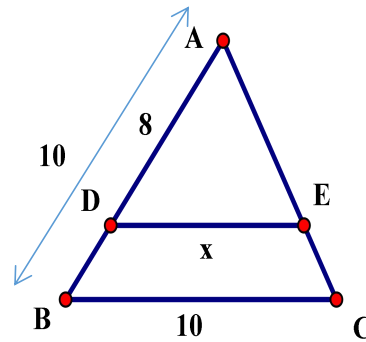
ĐỀ 2:

Bài 1: Tìm số đo x trong các hình vẽ sau:

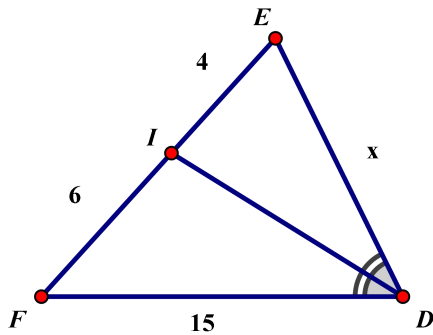
1/ Biết $AC \parallel MP$.



2/ Biết $DE \parallel BC$.

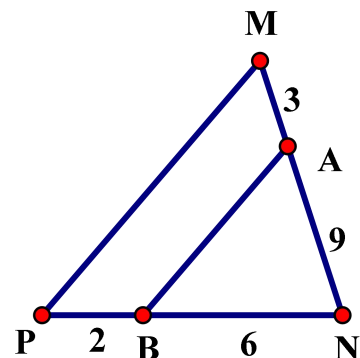


3/



Biết DI là đường phân giác của tam giác DEF.

Bài 2: Cho hình vẽ. Chứng minh: $AB \parallel MP$.



HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN:

Bài 1: Tìm số đo x trong các hình vẽ sau:

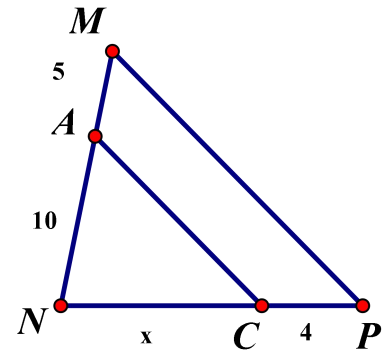
1/ **Biết AC // MP**

Xét $\triangle MNP$ có: $AC \parallel MP$ (gt)

$$\Rightarrow \frac{NC}{CP} = \frac{NA}{AM} \text{ (định lý ta lét)}$$

$$\Rightarrow \frac{x}{4} = \frac{10}{5}$$

$$\Rightarrow x = \frac{10 \cdot 4}{5} = 8$$



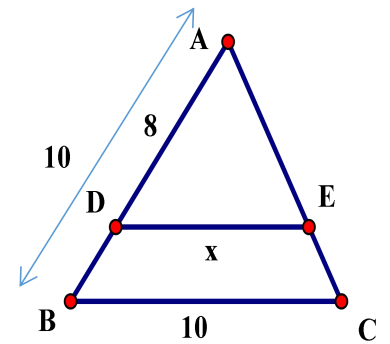
2/ **Biết DE // BC**

Xét $\triangle ABC$ ta có: $DE \parallel BC$ (gt)

$$\Rightarrow \frac{AD}{AB} = \frac{DE}{BC} \text{ (hệ quả định lý ta lét)}$$

$$\Rightarrow \frac{8}{10} = \frac{x}{10}$$

$$\Rightarrow x = \frac{8 \cdot 10}{10} = 8$$



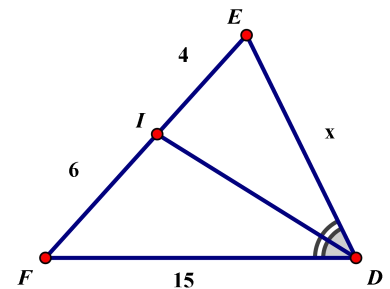
3/ **Biết DI là đường phân giác của tam giác DEF.**

Xét $\triangle DEF$ có: DI là đường phân giác (gt)

$$\Rightarrow \frac{DE}{DF} = \frac{IE}{IF} \text{ (tính chất đường phân giác trong tam giác)}$$

$$\Rightarrow \frac{x}{15} = \frac{4}{6}$$

$$\Rightarrow x = \frac{15 \cdot 4}{6} = 12$$



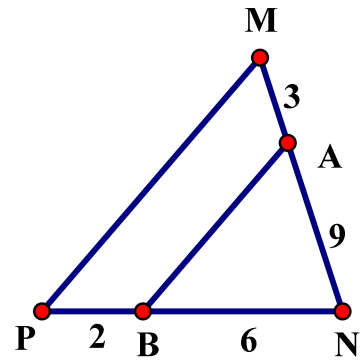
Bài 2: Chứng minh: $AB \parallel PM$

Xét $\triangle MNP$, ta có:

$$\begin{cases} \frac{NA}{AM} = \frac{9}{3} = 3 \\ \frac{NB}{BP} = \frac{6}{2} = 3 \end{cases}$$

$$\Rightarrow \frac{NA}{AM} = \frac{NB}{BP} = 3$$

$\Rightarrow AB \parallel MN$ (định lý Ta lét đảo)



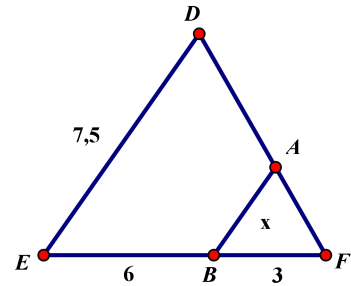
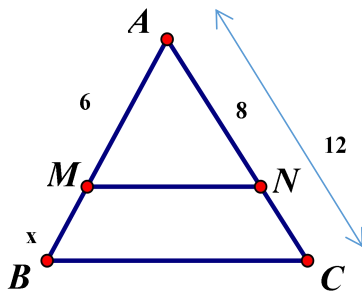
BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

ĐỀ 3:

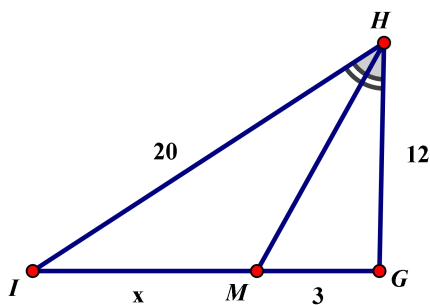
Bài 1: Tìm số đo x trong các hình vẽ sau:

1/ Biết $MN \parallel BC$.

2/ Biết $AB \parallel DE$.

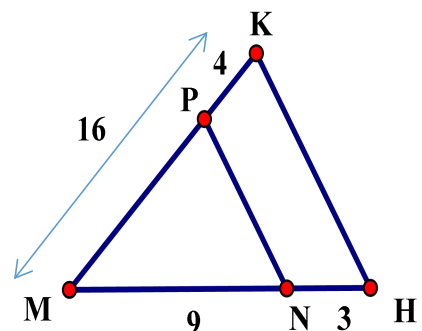


3/



Biết HM là đường phân giác của tam giác HIG.

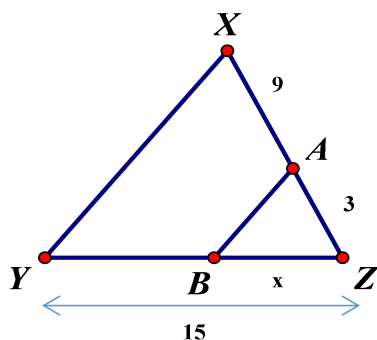
Bài 2: Cho hình vẽ. Chứng minh: $PN \parallel HK$.



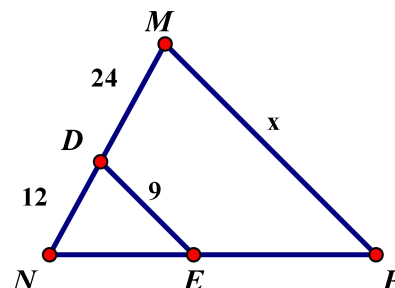
ĐỀ 4:

Bài 1: Tìm số đo x trong các hình vẽ sau:

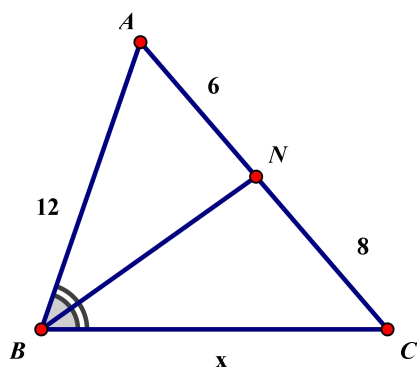
1/ Biết $AB \parallel XY$.



2/ Biết $DE \parallel MP$.

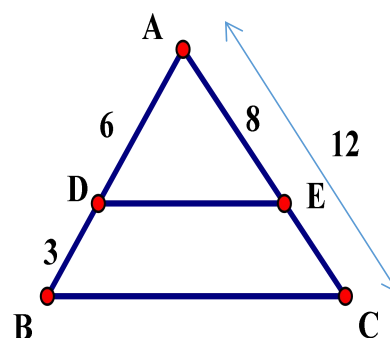


3/



Biết BN là đường phân giác của tam giác ABC .

Bài 2: Cho hình vẽ. Chứng minh: $DE \parallel BC$.



UNIT 12: A VACATION ABROAD

VOCABULARY

- prison	/'prɪzn/(n):	nhà tù
- carve	/kɑ:v/ (v):	khắc, chạm
- surprise	/sə'praɪz/(n):	sự ngạc nhiên
- hospitable	/hə'spɪtəbl/(a):	lòng hiếu khách
- mailman	/'meɪlmæn/ (n):	người đưa thư
- include	/ɪn'klu:d/(v):	bao gồm
- crowd	/kraʊd/ (n):	đám đông
- bother	/'bɒðə(r)/ (v):	làm phiền, bận tâm
- itinerary	/aɪ'tɪnərəri/(n):	lộ trình
- gallery	/'gæləri/(n):	phòng trưng bày
- brochure	/'brɒʃə(r)/(n):	tờ rơi, giới thiệu
- sightseeing	/'saɪtsi:ɪŋ/(n):	đi ngắm cảnh, tham quan
- valley	/'væli/(n):	thung lũng
- wharf	/wɔ:f/ (n):	cầu tàu, cầu cảng
- volcano	/vɒl'keɪnəʊ/ (n):	núi lửa
- lava	/'lɑ:və/(n):	nhham thạch

GRAMMAR

A. Present continuous with always

Present Continuous

- Present continuous + always, constantly, etc.: habits that annoy us, surprise us or happen more often than usual.
- He's always leaving dirty clothes all over the place.
- I like her because she's always making jokes. (no annoyance)

B. Past Continuous

PAST CONTINUOUS TENSE

+

S + was/were + V-ing

She was cooking all morning

-

S + was/were not + V-ing

She was not sleeping when he came home

?

Was/were + S + V-ing?

Was she sleeping when he came home?

Cách dùng:

+ Thì quá khứ tiếp diễn diễn tả một hành động đang diễn ra tại một thời điểm cụ thể trong quá khứ.

Ex: What were you doing at 8 o'clock last night?

-> I was watching TV at that time.

+ Thì quá khứ tiếp diễn còn diễn tả một hành động đang diễn ra tại một thời điểm cụ thể trong quá khứ thì có một hành động khác xảy đến hoặc làm gián đoạn.

Ex: When Tom arrived, we were having dinner.

While I was having a bath, the telephone rang.

+ Thì quá khứ tiếp diễn còn diễn tả hai hành động song song cùng diễn ra một lúc tại một thời điểm cụ thể trong quá khứ.

Ex: My father was reading a newspaper while my mother was listening to music.

EXERCISES

I. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

- | | | | |
|---------------------------|---------------------|--------------------|--------------------|
| 1. a. <u>a</u> broad | b. <u>s</u> tate | c. <u>l</u> ava | d. <u>h</u> usband |
| 2. a. <u>g</u> allery | b. <u>o</u> ver | c. <u>e</u> mpire | d. <u>l</u> iberty |
| 3. a. <u>i</u> nclude | b. <u>p</u> rison | c. <u>t</u> rip | d. <u>m</u> inus |
| 4. a. <u>h</u> ead | b. <u>b</u> each | c. <u>w</u> eather | d. <u>h</u> eavy |
| 5. a. <u>t</u> emperature | b. <u>e</u> xciting | c. <u>r</u> ight | d. <u>t</u> our |

II. PRONUNCIATION

- | | | | |
|------------------|----------------|---------------|----------------|
| 1. A. weightless | B. complain | C. mailman | D. wonderful |
| 2. A. delightful | B. hotel | C. waterfall | D. degree |
| 3. A. beautiful | B. famous | C. island | D. souvenir |
| 5. A. situate | B. volcano | C. wonderful | D. sightseeing |
| 6. A. departure | B. arrival | C. facilities | D. tourist |
| 7. A. museum | B. lava | C. empire | D. schedule |
| 8. A. empire | B. prison | C. situate | D. enjoy |
| 9. A. statue | B. sightseeing | C. ticket | D. volcano |
| 10. A. lava | B. suitable | C. abroad | D. humid |

III. MULTIPLE CHOICE:

- The boss is angry because Jane _____ the office telephone for personal calls
A. is used B. using C. used D. is always using
- It rained all day yesterday. It was a _____ day.
A. sunny B. wet C. fine D. cloudy
- When we flew overhead, we saw the _____ pouring out of the volcano.
A. lava B. liquid C. mixture D. water
- I don't know when these houses _____.
A. were built B. built C. have built D. have been built
- As they _____ along the road they _____ them.
A. walk/saw B. walking/seeing C. walked/ saw D. were walking/saw
- The _____ is a gift from the people of France to Americans.
A. Big Ben B. Eiffel Tower C. Statue of Liberty D. London tower
- She bought lots of _____ during her vacation in the USA.
A. cars B. schedules C. souvenirs D. tickets
- He _____ books from me but he never remembers to pay me back.
A. always borrows B. Borrows always C. always borrowed D. is always borrowing

9. I was studying the lesson _____ my parents were talking to each other.
A. when B. while C. what D. which
10. The accommodation is _____ in the ticket price.
A. include B. includes C. included D. including
11. Would you mind _____ me some paper from the desk ?
A. to get B. get C. getting D. if you get
12. This worker is fired because he is _____ going to work late.
A. always B. never C. sometimes D. usually
13. My parents decided _____ a tour around the country.
A. makes B. making C. to make D. made
14. The heads of four American Presidents were carved _____ the rock on Mount Rushmore.
A. in B. at C. on D. into
15. _____ the phone rang, I was taking a shower.
A. While B. when C. during D. because
16. "Shall I pick you up at your hotel this evening ?" " _____"
A. That would be nice B. Yes, you should C. Please, go ahead. D. No, of course not
17. A three-day tour around Nha Trang will be a(n) _____ holiday.
A. forget B. forgettable C. unforgettable D. remembering
18. Could you lend me your book? – _____
A. No, thanks B. Sorry, I need it myself C. No, I couldn't D. Sorry, I don't know
19. We _____ dinner when the phone rang.
A. have had B. are having C. are had D. were having
20. It was a hot and _____ Sunday afternoon .
A. wet B. humid C. rainy D. snowy

IV. CAUTION SIGNS – WARNING

1. What does the sign say ? 	A. Bus station B. Parking lot C. Train station D. There's a high way ahead
2. What does the sign want us to do ? 	A. Exchanging money area B. Withdrawing money area C. Passport control D. Checking-in area
3. What does the sign say ? 	A. Arrivals B. Departure C. Dalays D. There's a hotel ahead
4. What does the sign say? 	A. Parking lot B. Bus station C. There's a high way ahead D. Train station
5. What does the sign say? 	A. Passport control B. Restricted area C. Police station D. Checking area

VII. WORD FORMS

1. He became internationally for his novels. (fame)
2. She had a time in Australia. (wonder)
3. An active may erupt at anytime. (volcanic)
4. We apologize for the late of the plane. (arrive)
5. It is too to go out in the boat. (wind)
6. The train Boston at 3.30 p.m. (departure)
7. The sun went behind a (cloudy)
8. He found it difficult to take in the (situate)
9. Her husband spent three years in prison. He was a (prison)
10. These plants need heat and to grow well. (humid)
11. The monument was built as ato those whose died for the country. (memory)
12. He has been a (fame) writer for many years.
13. There are ten from Hanoi to Ho Chi Minh City every day. (fly)
14. Nha Trang is well-known for its sand beaches and itsbuildings. (culture)
15. Stay with us until you can find your own. (accommodate)
16. The.....institute in Nha Trang was built many years ago. (ocean)
17. My friend phoned to tell me the time of hisin Hanoi. (arrive)
18. His house is on the top of the hill. It's very there in the fall. (wind).
19. They have a(wonder) time in Hawaii.
20., he couldn't join us because he was very busy. (Fortunate)
21. My house from bricks. (make)
22. My father is keen on.....flowers in front yard of our house. (grow)
23. Mr Pike is always..... the bus. (miss)
24. My father is keen onflowers in front yard of our house. (grow)
25. I..... in Paris for ten years while I was a child. (live)
26. We..... T.V when he came. (watch)
27. The doorbell..... while I was having a bath. (ring)
28. Oliver is very fond of.....pictures. (draw)
29. It is the prison on the island of Alcatraz in the middle of San Francisco Bay. (fame)
30. Our is included in the ticket price. (accommodate)

Bài 13 : CÔNG CƠ HỌC**Kiến thức cần nhớ**

- ❖ Thuật ngữ công cơ học chỉ dùng trong trường hợp có lực tác dụng vào vật làm vật chuyển dời.
- ❖ Công cơ học phụ thuộc vào hai yếu tố : Lực tác dụng vào vật và quãng đường vật dịch chuyển.
- ❖ Công thức tính công cơ học khi lực F làm vật dịch chuyển một quãng đường s theo hướng của lực : $A = F \cdot s$
Đơn vị công là J

Câu hỏi kiểm tra

1. Khi nào có công cơ học ?

Thuật ngữ công cơ học chỉ dùng trong trường hợp có lực tác dụng vào vật làm vật chuyển dời

2. Công cơ học phụ thuộc vào những yếu tố nào ?

Công cơ học phụ thuộc vào hai yếu tố : Lực tác dụng vào vật và quãng đường vật dịch chuyển.

3. Nêu công thức tính công, ý nghĩa và đơn vị các đại lượng trong công thức.

Công thức	Ý nghĩa từng đại lượng	Đơn vị tính bằng
$A = F \cdot s$	A là công của lực F	J (jun)
	F là lực tác dụng vào vật	N
	s là quãng đường vật dịch chuyển.	m

Bài tập

13.1



Một con bò đang kéo một chiếc xe đi trên đường và một anh Tí Xì trum đang đỡ quả tạ ở tư thế đứng thẳng. Hãy cho biết trường hợp nào có thực hiện được công, trường hợp nào không thực hiện được công? Giải thích.

- Con bò thực hiện được công vì lực kéo của con bò đã làm chiếc xe dịch chuyển
- Anh Tí Xì trum không thực hiện được công vì lực đỡ của anh ta không làm quả tạ dịch chuyển

13.2 Một con ngựa kéo xe chuyển động đều với lực kéo là 300 N. Tính quãng đường xe đi được khi con ngựa đã thực hiện một công là 150 kJ.

Tóm tắt

$$F = 300 \text{ (N)}$$

$$A = 150 \text{ (kJ)} = 150000 \text{ (J)}$$

$$s = ?$$

Quãng đường xe đi được

$$A = F \cdot s \rightarrow s = \frac{A}{F} = \frac{150000}{300} = 500 \text{ (m)}$$

13.3 Người ta dùng một cần cẩu để nâng một thùng hàng khối lượng 2500 kg lên độ cao 12 m. Tính công thực hiện được trong trường hợp này.

Tóm tắt

$$m = 2500 \text{ (kg)}$$

$$s = 12 \text{ (m)}$$

$$A = ?$$

Lực tác dụng của cần cẩu (bằng trọng lượng của thùng hàng).

$$F = P = 10 \cdot m = 10 \cdot 2500 = 25000 \text{ (N)}$$

Công thực hiện được

$$A = F \cdot s = 25000 \cdot 12 = 300000 \text{ (J)} = 300 \text{ (kJ)}$$

13.4 Một đầu tàu kéo một đoàn tàu chuyển động đều với lực kéo là 40000 N, trong 2 phút đã thực hiện một công là 80000 kJ. Tính vận tốc của đầu tàu.

Tóm tắt

$$F = 40000 \text{ (N)}$$

$$t = 2 \text{ (phút)} = 120 \text{ (s)}$$

$$A = 80000 \text{ (kJ)} = 80000000 \text{ (J)}$$

$$v = ?$$

Quãng đường đoàn tàu di chuyển

$$A = F \cdot s \rightarrow s = \frac{A}{F} = \frac{80000000}{40000} = 2000 \text{ (m)}$$

Vận tốc của đầu tàu

$$v = \frac{s}{t} = \frac{2000}{120} = 16,66 \text{ (m/s)}$$

Bài 14 : ĐỊNH LUẬT VỀ CÔNG***Kiến thức cần nhớ***

Định luật về công : Không một máy cơ đơn giản nào cho ta lợi về công. Được lợi bao nhiêu lần về lực thì thiệt bấy nhiêu lần về đường đi và ngược lại.

Câu hỏi kiểm tra

Phát biểu định luật về công

Không một máy cơ đơn giản nào cho ta lợi về công. Được lợi bao nhiêu lần về lực thì thiệt bấy nhiêu lần về đường đi và ngược lại.

Bài 15 : CÔNG SUẤT**Kiến thức cần nhớ**

❖ Công suất được xác định bằng công thực hiện được trong một đơn vị thời gian.

❖ Công thức tính công suất : $P = A/t$.

❖ Đơn vị công suất là W, kW, MW

Câu hỏi kiểm tra

1. Công suất được xác định bằng gì ?

Công suất được xác định bằng công thực hiện được trong một đơn vị thời gian.

2. Nêu công thức tính công suất, ý nghĩa và đơn vị các đại lượng trong công thức.

Công thức	Ý nghĩa từng đại lượng	Đơn vị tính bằng
$P = \frac{A}{t}$	P là công suất	W (oát)
	A là công thực hiện được	J
	t là thời gian thực hiện công.	s

3. Một máy bơm nước có công suất 750 W. Hãy cho biết ý nghĩa của con số này.

Con số này cho biết máy bơm nước thực hiện một công là 750 J trong thời gian là 1 giây.

Bài tập

15.1 Một con ngựa kéo một cái xe với một lực không đổi bằng 80 N và đi được 4,5 km trong nửa giờ. Tính công và công suất của con ngựa.

Tóm tắt

$$F = 80 \text{ (N)}$$

$$s = 4,5 \text{ (km)} = 4500 \text{ (m)}$$

$$t = 30 \text{ (phút)} = 1800 \text{ (s)}$$

$$A = ?$$

$$P = ?$$

Công mà con ngựa thực hiện

$$A = F \cdot s = 80 \cdot 4500 = 360000 \text{ (J)}$$

Công suất của con ngựa

$$P = \frac{A}{t} = \frac{360000}{1800} = 200 \text{ (W)}$$

15.2 Tính công suất của một người đi bộ, nếu trong 2 giờ người đó bước đi 10000 bước và mỗi bước chân cần một công là 40 J.

Tóm tắt

$$t = 2 \text{ (h)} = 7200 \text{ (s)}$$

$$\text{Số bước chân} = 10000 \text{ (bước)}$$

$$A_1 = 40 \text{ (J)}$$

$$P = ?$$

Công mà người đó thực hiện khi đi bộ 10000 bước

$$A = A_1 \cdot 10000 = 40 \cdot 10000 = 400000 \text{ (J)}$$

Công suất của người đó

$$P = \frac{A}{t} = \frac{400000}{7200} = 55,55 \text{ (W)}$$

15.3 Quạt treo tường (Hình 1) ở các gia đình có công suất bình quân khoảng 45 W, một loại khác là quạt công nghiệp (Hình 2) có công suất khoảng 300 W để đẩy (hoặc hút gió) dùng trong các nhà xưởng hay các khoảng không gian có nhiều người để không khí lưu thông một cách tốt nhất. Theo em trong hai loại quạt kể trên, loại nào làm việc khỏe hơn (thực hiện công nhanh hơn) ? Vì sao ?



Hình 1



Hình 2

Quạt công nghiệp (hình 2) làm việc vì có công suất lớn hơn công suất của quạt treo tường

Bài 16 : CƠ NĂNG***Kiến thức cần nhớ***

- ❖ **Khi vật có khả năng sinh công ta nói vật có cơ năng.**
- ❖ **Cơ năng của vật phụ thuộc vào độ cao của vật so với mặt đất, hoặc so với một vị trí khác được chọn làm mốc để tính độ cao, gọi là thế năng trọng trường. Vật có khối lượng càng lớn và ở càng cao thì thế năng trọng trường của vật càng lớn.**
- ❖ **Cơ năng của vật phụ thuộc vào độ biến dạng của vật gọi là thế năng đàn hồi.**
- ❖ **Cơ năng của vật do chuyển động mà có gọi là động năng. Vật có khối lượng càng lớn và chuyển động càng nhanh thì động năng càng lớn.**
- ❖ **Động năng và thế năng là hai dạng của cơ năng.**
- Cơ năng của vật bằng tổng thế năng và động năng của nó.**

Câu hỏi kiểm tra

1. Vật có cơ năng khi nào ? Đơn vị của cơ năng là gì ?

Vật có cơ năng khi có khả năng thực hiện công.

Đơn vị của cơ năng là J

2. Thế năng trọng trường là gì ? Cho ví dụ.

Cơ năng của vật phụ thuộc vào độ cao của vật so với mặt đất, hoặc so với một vị trí khác được chọn làm mốc để tính độ cao, gọi là thế năng trọng trường.

Ví dụ : quả dừa ở trên cây.

3. Thế năng trọng trường phụ thuộc vào những yếu tố nào ? Một quả mít và một quả cam đang ở trên cây và cách mặt đất với cùng một độ cao. Cả hai quả có những dạng cơ năng nào ? Quả nào có cơ năng lớn hơn ? Vì sao ?

Thế năng trọng trường phụ thuộc vào khối lượng và độ cao của vật so với mặt đất.

Cả hai đều có Thế năng trọng trường

Quả mít có cơ năng lớn hơn vì có khối lượng lớn hơn.

4. Thế năng đàn hồi là gì ? Cho ví dụ.

Cơ năng của vật có được khi bị biến dạng gọi là thế năng đàn hồi.

Ví dụ : lò xo bị nén lại

5. Thế năng đàn hồi phụ thuộc vào những yếu tố nào ?

Thế năng đàn hồi phụ thuộc vào độ biến dạng của vật

6. Động năng là gì ? Cho ví dụ.

Cơ năng của vật do chuyển động mà có gọi là động năng.

Ví dụ : một chiếc xe máy đang chạy trên đường.

7. Động năng phụ thuộc vào những yếu tố nào ? Một chiếc xe hơi và một chiếc xe máy đang chạy cùng một vận tốc trên đường. Cả hai có những dạng cơ năng nào ? Chiếc xe nào có cơ năng lớn hơn ? Vì sao ?

Động năng phụ thuộc vào khối lượng và vận tốc của vật.

Cả hai đều có động năng

Chiếc xe hơi có cơ năng lớn hơn vì nó có khối lượng lớn hơn.

8. Hãy chỉ ra những dạng cơ năng mà những vật sau đây có : máy bay đang bay, quả bóng đang nằm trên sân cỏ, quả bóng đang lăn, quả táo đang ở trên cây, nước từ trên thác đang đổ xuống, dây cung đang giương, chiếc xe máy đang chạy trên đường.

Máy bay đang bay	Thế năng trọng trường và động năng
Quả bóng đang nằm trên sân cỏ	Không có cơ năng (cơ năng bằng không)
Quả bóng đang lăn	Động năng
Quả táo đang ở trên cây	Thế năng trọng trường
Nước từ trên thác đang đổ xuống,	Thế năng trọng trường và động năng
Dây cung đang giương	Thế năng đàn hồi
Chiếc xe máy đang chạy trên đường.	Động năng

Bài tập

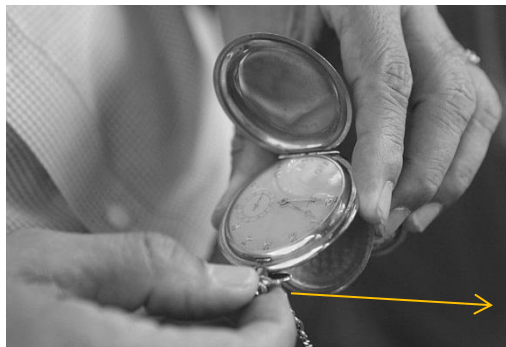
16.1 Mũi tên được bắn đi từ cái cung là nhờ năng lượng của mũi tên hay của cánh cung ? Đó là dạng năng lượng nào ?

Nhờ năng lượng của cánh cung. Đó là dạng thế năng đàn hồi

16.2 Búa đập vào đinh làm đinh ngập sâu vào gỗ là nhờ năng lượng của vật nào ? Đó là dạng năng lượng gì ?

Năng lượng của đầu búa. Đó là Thế năng trọng trường và động năng .

16.3 Vào thế kỷ 16, con người đã phát minh ra một loại đồng hồ bỏ túi chứ không đeo vào tay như bây giờ (thường được gọi là đồng hồ quả quýt). Để đồng hồ hoạt động ta phải vặn một nút ở phía trên mỗi ngày. Động tác này gọi là lên dây cót đồng hồ. Dây cót là một lò xo lá tròn. Khi vặn, lò xo bị biến dạng và từ từ sẽ trở về hình dạng ban đầu trong quá trình đồng hồ chạy. Theo em đồng hồ hoạt động suốt một ngày nhờ dạng năng lượng nào ?



Dây cót đồng hồ

Nút lên dây cót



Đồng hồ hoạt động suốt một ngày nhờ thế năng đàn hồi của dây cót

LỊCH SỬ 8- TUẦN 7

Bài 27. KHỞI NGHĨA YÊN THẾ VÀ PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI CUỐI THẾ KỈ XIX

I. KHỞI NGHĨA YÊN THẾ (1884 – 1913).

- Giữa thế kỉ XIX, một bộ phận nông dân đến vùng Yên Thế lập làng sản xuất.
- Khi Pháp mở rộng chiếm bắc kì, nông dân Yên Thế đứng lên đấu tranh bảo vệ cuộc sống của mình.
- Diễn biến:

Giai đoạn	Sự kiện
1884-1892	Nhiều toán nghĩa quân hoạt động riêng rẽ dưới sự chỉ huy của Đề Năm.
1893-1908	Nghĩa quân vừa xây dựng vừa chiến đấu dưới sự chỉ huy của Đề Thám: - 1893-1897: thời gian hòa hoãn, kéo dài thời gian chuẩn bị. - 1897-1908: tích trữ lương thực, xây dựng đội quân tinh nhuệ, sẵn sàng chiến đấu,
1909-1913	Pháp tập trung lực lượng tấn công Yên Thế, lực lượng nghĩa quân hao mòn... 10/02/1913, Đề Thám bị sát hại → phong trào tan rã

- Nguyên nhân thất bại:
 - + Do Pháp còn mạnh, cấu kết với phong kiến.
 - + Lực lượng nghĩa quân còn yếu.
 - + Bó hẹp trong 1 địa phương.
 - + Chưa có sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến.
- Ý nghĩa: gây cho Pháp nhiều khó khăn, tổn thất và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc.
- Tính chất: mang tính dân tộc và dân chủ, yêu nước.

II. PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI

(Học sinh tự học)

Bài 31: Đặc điểm khí hậu Việt Nam

1. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm

a. Tính chất nhiệt đới

- Quanh năm nhận lượng nhiệt dồi dào
- Nhiệt độ trung bình năm trên 21oC và tăng dần từ Bắc vào Nam.

b. Tính chất gió mùa Có 2 mùa gió:

- Gió mùa Đông Bắc (thổi vào mùa đông, lạnh và khô hanh)
- Gió mùa Tây Nam (thổi vào mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều).

c. Tính chất ẩm

- Mưa nhiều: Trung bình 1500 – 2000mm/năm
- Mưa phân bố không đều
- Độ ẩm cao: 80%

2. Tính chất đa dạng và thất thường

a. Tính chất đa dạng hân hóa theo không gian , theo thời gian

- Môi trường khí hậu phía Bắc: có mùa đông lạnh, mưa ít, cuối mùa đông có mưa phùn, mùa hè nóng và mưa nhiều.
- Môi trường khí hậu đông Trường Sơn: mưa vào thu đông.
- Môi trường khí hậu phía Nam: nhiệt độ quanh năm cao, có một mùa mưa và một mùa khô sâu sắc.
- Môi trường khí hậu Biển Đông: mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.

b. Tính chất thất thường

- Thể hiện rõ qua chế độ nhiệt, chế độ mưa: Năm rét sớm, năm rét muộn, rét hại. Năm mưa lớn, năm khô hạn, bão nhiều...

HẾT

Bài 32: Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta

1. Gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 (mùa Đông)

- Miền Bắc: đầu mùa đông se lạnh, khô hanh, cuối đông có mưa phùn ẩm ướt.
- Miền núi cao có sương muối sương giá, mưa tuyết gây trở ngại lớn cho sinh vật nhiệt đới.
- Tây Nguyên và Nam Bộ: nóng, khô ổn định suốt mùa
- Duyên hải Trung Bộ có mưa lớn vào các tháng cuối năm.

2. Gió mùa Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10 (mùa hạ)

- Thời tiết trong mùa này là trời nóng ẩm, có mưa to, dông bão diễn ra phổ biến trên cả nước.
 - Nhiệt độ cao > 25°C
 - Lượng mưa lớn, > 80% cả năm.

3. Những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại

- Thuận lợi:
 - Sinh vật nhiệt đới phát triển quanh năm
 - Ngoài sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới, còn có sản phẩm của ôn đới á nhiệt đới.
 - Tăng vụ, xen canh, đa canh thuận lợi
- Khó khăn:
 - Sâu bệnh phát triển mạnh
 - Thiên tai : bão lũ, hạn hán, sương muối, xói mòn, xâm thực đất...

HẾT

HÓA 8 - TUẦN 7

ACID – BASE – MUỐI

I. ACID

1. Khái niệm

Phân tử Acid gồm có một hay nhiều nguyên tử hydrogen liên kết với gốc acid, các nguyên tử hydrogen này có thể thay thế bằng các nguyên tử kim loại.

2. CTHH: gồm một hay nhiều nguyên tử H và gốc acid

3. Phân loại: 2 loại

- Acid không có oxygen: HCl , H_2S ,....

- Acid có oxygen: H_2SO_4 , H_2CO_3 ,....

4. Tên gọi

ACID = H – gốc acid		Gốc acid
Acid không có oxygen	Hydro – tên phi kim –ic + acid VD: HCl : Hydrochloric acid HBr : Hydrobromic acid H_2S : Hydrosulfuric acid	Tên phi kim + ide -Cl: chloride -Br: bromide =S: sulfide
Acid có nhiều oxygen	Tên phi kim –ic + acid VD: H_2SO_4 : sulfuric acid H_2CO_3 : carbonic acid HNO_3 : nitric acid H_3PO_4 : phosphoric acid	Tên phi kim + ate =SO ₄ : sulfate =CO ₃ : carbonate -NO ₃ : nitrate ≡PO ₄ : phosphate
Acid có ít oxygen	Tên phi kim –ous + acid VD: HNO_2 : nitrous acid H_2SO_3 : sulfurous acid	Tên phi kim + ite -NO ₂ : nitrite =SO ₃ : sulfite

II. BASE

1. Khái niệm:

Phân tử base gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hydroxide (-OH).

2. CTHH: $M(OH)_n$

n: số hóa trị của kim loại

3. Tên gọi:

TÊN KIM LOẠI + (HÓA TRỊ) + HYDROXIDE

VD: NaOH: Sodium hydroxide

Ba(OH)₂: Barium hydroxide

Fe(OH)₃: Iron (III) hydroxide hay ferric hydroxide

Fe(OH)₂: Iron (II) hydroxide hay ferrous hydroxide

4. Phân loại

- Base tan trong nước gọi là kiềm.

VD: NaOH, KOH, Ca(OH)₂, Ba(OH)₂.

- Base không tan trong nước.

VD: Cu(OH)₂, Fe(OH)₂, Fe(OH)₃,...

III. MUỐI

1. Khái niệm

Phân tử muối có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid

2. CTHH: Gồm 2 phần: kim loại và gốc acid

VD: Na₂SO₄, CaCO₃,...

3. Tên gọi

Tên Muối: TÊN NGUYÊN TỐ ĐỨNG ĐẦU + TÊN GỐC MUỐI
AMMONIUM (NH₄) /ə'məʊniəm/

Tên gốc muối: $\left\{ \begin{array}{l} \text{GỐC KHÔNG CHỨA OXYGEN} \rightarrow \text{ĐUÔI IDE} /aid/ \\ \text{GỐC CHỨA OXYGEN, HÓA TRỊ THẤP} \rightarrow \text{ĐUÔI ITE} /ait/ \\ \text{GỐC CHỨA OXYGEN, HÓA TRỊ CAO} \rightarrow \text{ĐUÔI ATE} /eit/ \end{array} \right.$

Bảng: Một số gốc và hóa trị.

GỐC MUỐI	HÓA TRỊ	TÊN GỐC	PHIÊN ÂM	VÍ DỤ
F	I	-fluoride	$/\text{'fl}\text{ɔ:ra}\text{ɪd}/$ $/\text{'fl}\text{ʊ}\text{əra}\text{ɪd}/$ $/\text{'fl}\text{ɔra}\text{ɪd}/$	NaF: sodium fluoride SF ₆ : sulfur hexafluoride
Cl	I	-chloride	$/\text{'kl}\text{ɔ:ra}\text{ɪd}/$	CuCl ₂ : copper (II) chloride cupric chloride HCl _(gas) : hydrogen chloride
Br	I	-bromide	$/\text{'br}\text{ə}\text{ʊma}\text{ɪd}/$	FeBr ₃ : iron (III) bromide ferric bromide
I	I	-iodide	$/\text{'a}\text{ɪ}\text{əda}\text{ɪd}/$	AgI: silver iodide
S	II	-sulfide	$/\text{'s}\text{ʌlfa}\text{ɪd}/$	PbS: lead sulfide
HS	I	-hydrogen sulfide	$/\text{'ha}\text{ɪdr}\text{ədʒ}\text{ən}$ $\text{'s}\text{ʌlfa}\text{ɪd}/$	NaHS: sodium hydrogen sulfide
SO ₄	II	-sulfate	$/\text{'s}\text{ʌlfe}\text{ɪt}/$	Na ₂ SO ₄ : sodium sulfate
HSO ₄	I	-hydrogen sulfate -bisulfate	$/\text{'ha}\text{ɪdr}\text{ədʒ}\text{ən}$ $\text{s}\text{ʌlfe}\text{ɪt}/$ $/\text{ba}\text{ɪ}\text{'s}\text{ʌlfe}\text{ɪt}/$	KHSO ₄ : potassium hydrogen sulfate potassium bisulfate
SO ₃	II	-sulfite	$/\text{'s}\text{ʌlfa}\text{ɪt}/$	CaSO ₃ : calcium sulfite
HSO ₃	I	-hydrogen sulfite	$/\text{'ha}\text{ɪdr}\text{ədʒ}\text{ən}$ $\text{'s}\text{ʌlfa}\text{ɪt}/$	NaHSO ₃ : sodium hydrogen sulfite
NO ₃	I	-nitrate	$/\text{'na}\text{ɪtre}\text{ɪt}/$	AgNO ₃ : silver nitrate
CO ₃	II	-carbonate	$/\text{'k}\text{ɑ:}\text{bə}\text{n}\text{ət}/$	MgCO ₃ : magnesium carbonate
HCO ₃	I	-hydrogen carbonate	$/\text{'ha}\text{ɪdr}\text{ədʒ}\text{ən}$ $\text{'k}\text{ɑ:}\text{bə}\text{n}\text{ət}/$	Ba(HCO ₃) ₂ : barium hydrogen carbonate

		-bicarbonate	/baɪ 'kɑːbənət/	barium bicarbonate
PO ₄	III	-phosphate	/'fɒsfet/ /'fɑːsfet/	Ag ₃ PO ₄ : silver phosphate
HPO ₄	II	-hydrogen phosphate	/'haɪdrədʒən 'fɒsfet/	(NH ₄) ₂ HPO ₄ ammonium hydrogen phosphate
H ₂ PO ₄	I	-dihydrogen phosphate	/daɪ 'haɪdrədʒən 'fɒsfet/	Ca(H ₂ PO ₄) ₂ calcium dihydrogen phosphate

4. Phân loại

- Muối trung hòa: là muối mà trong gốc acid không có nguyên tử hydrogen có thể thay thế bằng các nguyên tử kim loại.

VD: Na₂SO₄, CaCO₃,...

- Muối acid: là muối trong đó gốc acid còn nguyên tử hydrogen H chưa được thay thế bằng nguyên tử kim loại. Hóa trị của gốc acid bằng số nguyên tử hydrogen đã được thay thế bằng các nguyên tử kim loại.

VD: NaHSO₄, NaHS, NaHSO₃,...

Tuần 7 (14/03/2022 – 19/03/2022)

BÀI 17:

NGHĨA VỤ TÔN TRỌNG, BẢO VỆ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC VÀ LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG

I. Đặt vấn đề

- Kể tên một số tài sản nhà nước mà em biết?

+ Trường học

+ Bệnh viện

+ Công viên

+ Rừng núi

+ Cơ sở hạ tầng: đường, điện...

II. Nội dung bài học

1. Khái niệm

- Tài sản Nhà nước gồm: Đất đai rừng núi, sông hồ, nguồn tài nguyên, biển, thềm lục địa, vùng trời, vốn tài sản cố định do nhà nước xây dựng.

- Tài sản Nhà nước: Thuộc quyền sở hữu toàn dân, do Nhà nước quản lí.

2. Tầm quan trọng

- Là cơ sở vật chất để xã hội phát triển nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

3. Nghĩa vụ của công dân

- Tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích công cộng.
- Không được xâm phạm đến tài sản của Nhà nước.
- Khi được giao quản lý tài sản của Nhà nước, phải bảo quản giữ gìn, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả, không tham ô lãng phí.

4. Nhà nước quản lý tài sản

- Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật.
- Tuyên truyền giáo dục mọi công dân thực hiện nghĩa vụ tôn trọng bảo vệ tài sản Nhà nước và lợi ích công cộng.

III. Bài tập

- Làm bài tập SGK

IV. Dặn dò

- Làm bài tập SGK, học bài.

BÀI 50 : ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ

<https://www.youtube.com/watch?v=Ur8Sgx0NdOE>

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ

- 1/ Điện áp của mạng điện trong nhà : 220V
- 2/ Đồ dùng điện của mạng điện trong nhà: rất đa dạng, công suất tiêu thụ điện khác nhau
- 3/ Sự phù hợp điện áp giữa các thiết bị, đồ dùng với điện áp của mạng điện ($U_{dm}=220V$)
- 4/ Yêu cầu của mạng điện trong nhà : HS học ghi nhớ

- Mạng điện được thiết kế, lắp đặt đảm bảo cung cấp đủ điện cho các đồ dùng điện trong nhà và dự phòng cần thiết.
- Mạng điện phải đảm bảo an toàn cho người sử dụng và cho ngôi nhà
- Dễ dàng kiểm tra và sửa chữa.
- Sử dụng thuận tiện, bền chắc và đẹp.

II. Cấu tạo của mạng điện trong nhà :

 Gồm :

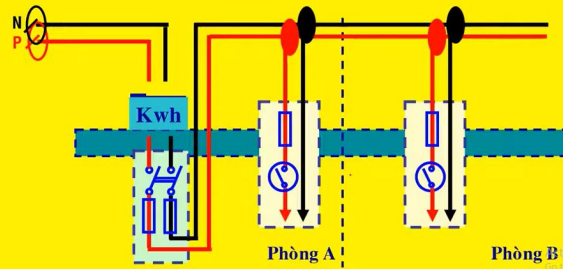
- Mạch chính đi từ công tơ đến các phòng, đặt song song sát trần nhà
- Mạch nhánh rẽ từ mạch chính đặt song song với nhau để điều khiển độc lập , có chức năng phân phối tới đồ dùng điện



- Cấu tạo mạng điện trong nhà gồm những phần tử:

- Công tơ điện (đồng hồ điện).
- Dây dẫn điện (mạch chính và mạch nhánh)
- Các thiết bị điện: đóng – cắt, bảo vệ và lấy điện
- Đồ dùng điện.

Chú ý : cầu dao, cầu chì, công tắc đặt ở đường dây pha của mỗi mạch (mỗi cầu chì dùng riêng cho mỗi mạch) và các thiết bị này được lắp trên bảng điện.



Vị trí cầu dao, cầu chì, công tắc trong mạng điện sinh hoạt

Dặn dò:

Học bài 50, chuẩn bị bài 51

SINH HỌC 8 - TUẦN 8

CHƯƠNG IX: THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN

BÀI 46: TRỤ NÃO - TIỂU NÃO - NÃO TRUNG GIAN

I. Vị trí và các thành phần của não bộ:

- Não bộ kể từ dưới lên gồm: Trụ não, não trung gian, đại não, tiểu não nằm phía sau trụ não.

II. Cấu tạo và chức năng của trụ não:

- Trụ não tiếp liền với tủy sống.

* Cấu tạo :

+ Chất trắng ở ngoài.

+ Chất xám ở trong.

* Chức năng:

- Chất xám: điều khiển, điều hoà hoạt động của các nội quan.

- Chất trắng dẫn truyền

+ Đường lên: cảm giác.

+ Đường xuống: vận động.

III. Não trung gian:

- Chất trắng : (ở ngoài) chuyển tiếp các đường dẫn truyền từ dưới lên não.

- Chất xám : là các nhân xám, điều khiển quá trình trao đổi chất và điều hoà thân nhiệt.

IV. Tiểu não:

- Vị trí: Sau trụ não, dưới bán cầu đại não.

- Cấu tạo:

+ Chất xám: ở ngoài làm thành vỏ tiểu não.

+ Chất trắng: ở trong là các đường dẫn truyền.

- Chức năng:

Điều hoà, phối hợp các cử động phức tạp và giữ thăng bằng cơ thể.

BÀI 47: ĐẠI NÃO

I. Cấu tạo của đại não:

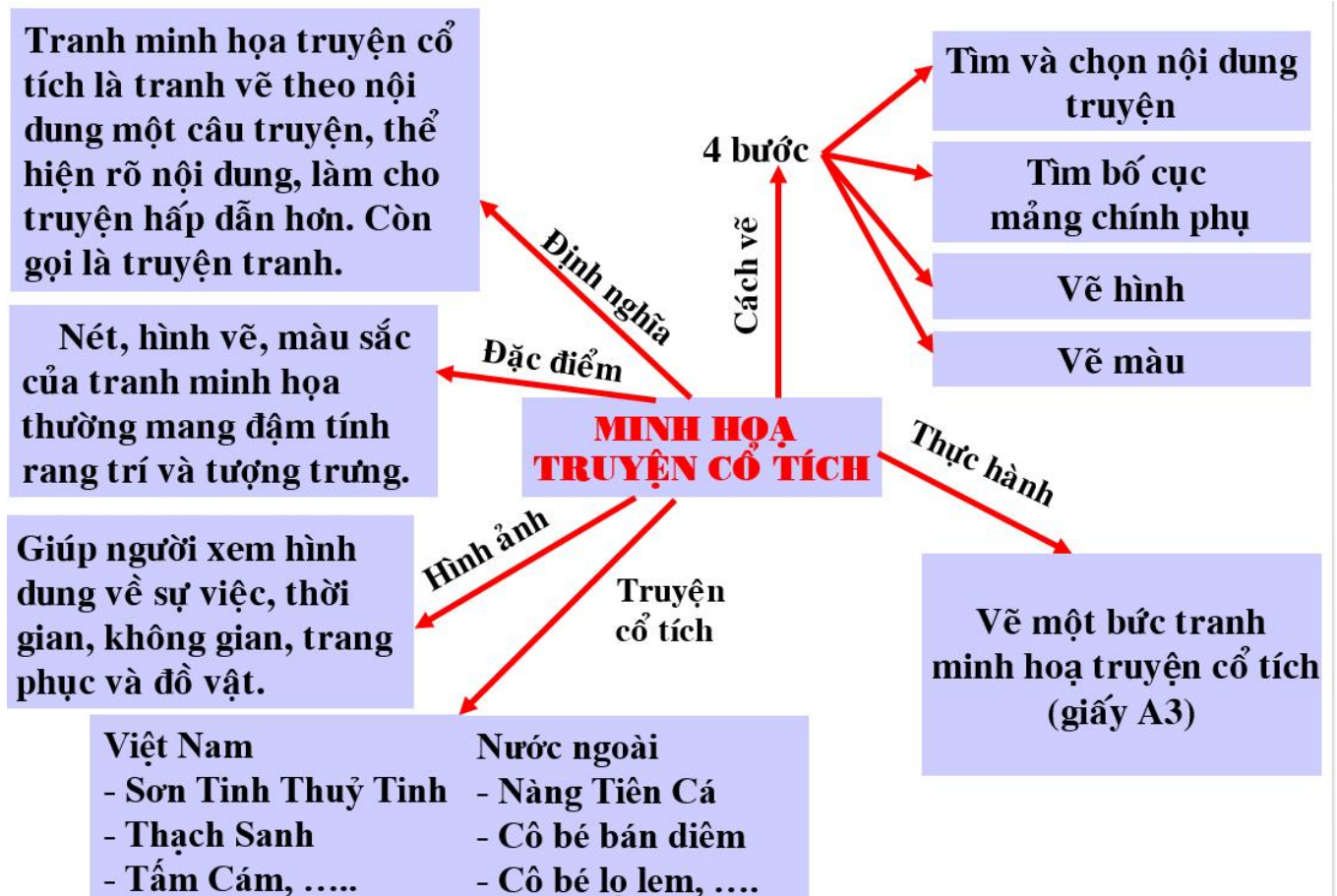
- Cấu tạo ngoài:
 - + Rãnh liên bán cầu chia đại não làm 2 nửa:
 - + Rãnh sâu chia bán cầu làm 4 thùy (trán, đỉnh, chẩm, thái dương).
 - + Khe và rãnh tạo thành khúc cuộn não → tăng diện tích bề mặt não.
- Cấu tạo trong:
 - + Chất xám (ngoài) làm thành vỏ não, dày 2 - 3 mm gồm 6 lớp.
 - + Chất trắng (trong): là các đường thần kinh. Hầu hết các đường này bắt chéo ở hành tủy hoặc tủy sống.

II. Sự phân vùng chức năng của đại não:

- Vỏ đại não là trung ương thần kinh của các phản xạ có điều kiện.
- vỏ não có nhiều vùng chức năng, mỗi vùng có tên gọi và chức năng riêng.

Vẽ tranh

MINH HỌA TRUYỆN CỔ TÍCH



MÔN ÂM NHẠC – ÂM NHẠC 8

Lớp 8 / Tuần 7 / Học Kỳ 2: Từ ngày 14/03 đến 19/03/2022.

Tiết 7: ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA

1. Ôn tập hai bài hát

- Khát vọng mùa xuân
- Nổi trống lên các bạn ơi !

2. Ôn tập Nhạc lí

Nhịp $\frac{6}{8}$

3. Ôn tập Tập đọc nhạc

TĐN số 5, số 6.

* Ghi nhớ cách thể hiện

a) Đọc gam 7 âm (Đô trưởng).

b) Âm hình tiết tấu :

– TĐN số 5 :



– TĐN số 6 :



Trường THCS Trần Văn Quang

Tổ : CN - VTM

Ngày Soạn :5/3/2022

Ngày dạy: 11/3/2022

Tuần 6 HK2 - Tiết 11-12

ĐÁ CẦU – CHẠY BỀN

I. MỤC TIÊU MỤC TIÊU : KIẾN THỨC, NĂNG LỰC PHẨM CHẤT, YÊU CẦU

1. Kiến thức:

- Ôn : Kỹ thuật tăng cầu
- Học : Phát cầu .
- Chạy bền
- Học sinh biết cách thực hiện các động tác
- Thực hiện các bước tăng cầu cơ bản, nâng cao đã được học.
- Học sinh hiểu được kỹ thuật cơ bản yêu cầu cần thực hiện

2. Năng lực

- Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật, thành tích KT ở mức đạt trở lên
- Thực hiện thành thạo các nội dung kiến thức ôn tập
- Phẩm chất
- Năng lực cần đạt: Năng lực vận động, năng lực thể lực, năng lực lập kế hoạch hoạt động hàng ngày
- Phẩm chất cần đạt : Tự lập, tự tin, tự chủ. Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng...

3. Phẩm chất

- Phẩm chất cần đạt: Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.
- Rèn cho học sinh có thói quen tập luyện thể dục thể thao, tác phong nhanh nhẹn và thái độ nghiêm túc trong giờ học.

4. Yêu cầu

- Tập vừa sức , tùy theo tình hình sức khoẻ của bản thân

II. CHẠY NGẮN :

PHÂN TÍCH	HÌNH ẢNH MINH HỌA
<u>1. Ôn Kỹ thuật tăng cầu :</u> - Các em thực hiện tăng cầu bằng mu bàn chân Nâng dần số lượng từ 1 trái lên 2 trái 3 trái 4 và 5 trái trở lên 2. Học : Kỹ Thuật phát cầu : Đây là kỹ thuật thường được sử dụng nhiều trong tập luyện và thi đấu với mục đích đưa cầu vào cuộc, vừa khai thác điểm yếu của đối phương (thông qua chiến thuật phát cầu) để giành điểm trực tiếp hoặc đưa đối phương vào thế bị động, lúng túng để giành điểm. - TTCB: Khi thực hiện động tác, người chơi đứng chân trước chân sau. Chân phát cầu để sau, bàn chân trước đặt vuông góc với đường biên ngang và mũi bàn chân	* Yêu cầu: HS thực hiện đúng động tác đã học, nắm và thực hiện được động tác và nghiêm túc trong tập luyện 

cách đường biên ngang khoảng 20 cm, mép ngoài của bàn chân cách đường giới hạn khu vực phát cầu khoảng 20cm. Mũi bàn chân sau chống xuống đất và hơi xoay ra ngoài sao cho trục của bàn chân hợp với nhau thành một góc 45o, hai gót chân cách nhau khoảng 30cm- 40cm. Lúc này trọng tâm cơ thể dồn vào chân trước, thân người hơi khom, tay cùng bên chân chuẩn bị phát cầu gấp khuỷu tay, bàn tay để ngửa trước bụng cầm đế cầu (ngón tay trỏ và ngón tay giữa để dưới đế cầu, ngón tay cái đặt trên đế cầu). Tay còn lại để tự nhiên dọc theo thân người. Mắt quan sát đối phương để chọn thời điểm phát cầu tốt nhất.

- Thực hiện kĩ thuật động tác: Khi thực hiện động tác phát cầu, tay cầm cầu tung nhẹ cầu lên cao ngang tầm mắt hoặc có thể thả cầu từ trên xuống, sao cho điểm rơi của cầu cách phía trước mu bàn chân đá khoảng 50cm. Khi cầu rơi xuống chân phía sau lăng về trước duỗi căng chân và bàn chân để mu bàn chân tiếp xúc với cầu khi cách mặt sân khoảng 20 - 30cm. Lực tác dụng vào quả cầu mạnh hay nhẹ phụ thuộc vào chiến thuật phát cầu mà người chơi sử dụng. Người mới tập nên sử dụng một lực vừa phải để quả cầu rơi vào ô quy định, khi nào thuần thục thì sử dụng chiến thuật phát cầu.

- Kết thúc động tác : Khi bàn chân chạm cầu, chân đá dừng lại đột ngột sau đó chân đá tiếp đất, người chơi di chuyển vào trung tâm sân để chuẩn bị đón đỡ cầu



của đôi phương đá sang.

3. chạy bền

Chạy 3 vòng , tốc độ vừa phải, không chạy nhanh.

4. Thả Lỏng :

Các động tác thả lỏng : học sinh thực hiện động tác rũ tay và chân

Dùng 2 tay xoay đùi

Ngồi hai chân duỗi gập thân về trước kéo căng cơ.

TIN HỌC 8

TUẦN 7 (14/03/2021 ĐẾN 19/3/2021)

LẶP VỚI SỐ LẦN CHƯA BIẾT TRƯỚC

1. Các hoạt động lặp với số lần chưa biết trước

2. Ví dụ về lệnh lặp với số lần chưa biết trước

Trong Pascal câu lệnh lặp với số lần chưa biết trước có dạng:

while <điều kiện> do <câu lệnh>;

trong đó:

- điều kiện thường là một phép so sánh;
- câu lệnh có thể là câu lệnh đơn giản hay câu lệnh ghép.

Câu lệnh lặp này được thực hiện như sau:

Bước 1 : Kiểm tra điều kiện.

Bước 2 : Nếu điều kiện SAI, câu lệnh sẽ bị bỏ qua và việc thực hiện lệnh lặp kết thúc. Nếu điều kiện đúng, thực hiện câu lệnh và quay lại bước 1.

Ví dụ :

Với giá trị nào của n ($n > 0$) thì $\frac{1}{n} < 0.005$ hoặc $\frac{1}{n} < 0.003$? Chương trình dưới đây tính số n nhỏ nhất để nhỏ hơn một sai số cho trước :

```
uses crt;
```

```
var x: real;
```

```
n: integer;
```

```
const sai_so=0.003;
```

```
begin
```

```
  clrscr;
```

```
  x:=1; n:=1;
```

```
  while x>=sai_so do begin n:=n+1; x:=1/n end;
```

```
  writeln('So n nho nhat de 1/n < ',sai_so:5:4, 'la ',n);
```

```
  readln
```

end.

Ví dụ 4. Chương trình Pascal dưới đây thể hiện thuật toán tính số n trong ví dụ 2:

```
var S,n: integer;  
begin  
  S:=0; n:=1;  
  while S<=1000 do  
    begin n:=n+1; S:=S+n end;  
  writeln('Số n nhỏ nhất để tổng > 1000 là ',n);  
  writeln('Tổng đầu tiên > 1000 là ',S);  
end.
```

Ví dụ 5. Viết chương trình tính tổng

Giải :

Để viết chương trình tính tổng ta có thể sử dụng lệnh lặp với số lần lặp biết trước for...do:

```
T:=0;  
for i:=1 to 100 do T:=T+1/i;  
writeln(T);
```

Nếu sử dụng lệnh lặp while...do, đoạn chương trình dưới đây cũng cho cùng một kết quả:

```
T:=0;  
i:=1;  
while i<=100 do begin T:=T+1/i; i:=i+1 end;  
writeln(T);
```

* Nhận xét : Ví dụ này cho thấy rằng chúng ta có thể sử dụng câu lệnh while...do thay cho câu lệnh for...do.

3. Lặp vô hạn lần – Lỗi lặp trình cần tránh

Khi viết chương trình sử dụng cấu trúc lặp cần chú ý tránh tạo nên vòng lặp không bao giờ kết thúc.

chương trình dưới đây sẽ lặp lại vô tận:

```
var a:integer;  
begin  
a:=5;  
while a<6 do writeln('A');  
end.
```